

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN ĐỒN
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21/9/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN ĐỒN, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Nga;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Bình và bà Trương Thị Thúy Huyền;

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2020; Quyết định hoãn phiên toà số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị H; Sinh năm: 1995; Nơi đăng ký HKTT: Thôn x, xã Hạ L, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: Thôn y, xã Hạ L, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt;

Bị đơn: Anh Đỗ Đức T; Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn x, xã Hạ L, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt, không có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2020, bản tự khai và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H khai:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn là tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hạ L, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 22/5/2014. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống tại thôn x, xã Hạ L, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do T nóng tính, cục súc từ những chuyện nhỏ nhặt, cuộc sống gia đình không được hạnh phúc. Anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh T nhiều lần đã đánh chị, khiến chị tổn thương cả về sức khỏe và tinh thần. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng kéo dài khiến chị H mệt mỏi và áp lực. Dù được bạn bè và người thân động viên hàn gắn nhưng chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên từ tháng 02/2020 đến nay, chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ, sống ly thân với anh T. Đến nay chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Đức T.

Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Đức T có 02 con chung: Đỗ Phương A - Sinh ngày: 20/10/2014 và Đỗ Anh T2 - Sinh ngày: 04/11/2015. Khi ly hôn, chị H đề nghị anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi), chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản, vay nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Đỗ Đức T ngày 25/7/2020: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn tự nguyện năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hạ L, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc tại thôn 7, xã Hạ L, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến cuối năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Do chị H còn trẻ nên có nhiều suy nghĩ trẻ con, dẫn tới vợ chồng anh chị không tìm được tiếng nói chung, dung hòa về tính cách nên thường xuyên cãi nhau. Đầu năm 2020, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Anh cùng gia đình đã khuyên giải nhiều lần, mong muốn chị H về hàn gắn tình cảm vợ chồng, để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy các con, nhưng chị H đã không về sống với anh. Đến nay, chị H có yêu cầu xin ly hôn, anh T không đồng ý vì anh thấy mâu thuẫn của anh không quá nghiêm trọng, anh vẫn còn nhiều tình cảm với vợ và muốn hàn gắn gia đình.

Về con chung: Như chị H trình bày là đúng. Nếu chị H cương quyết ly hôn, anh đề nghị giao cả hai con cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì hiện nay các con cũng đang ở với anh và thực tế chị H không có điều kiện về nhà ở, kinh tế để nuôi các con. Anh yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 1.000.000đ/tháng cho tới khi hai con thành niên.

Về tài sản, vay nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh Đỗ Đức T đến để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đỗ Đức T.

[2] Về Quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh T kết hôn ngày 22/5/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hạ L, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh là tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên sau thời gian chung sống, do bất đồng về quan điểm sống giữa chị H và anh T nảy sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài nên vợ chồng anh chị chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 2 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị H đề nghị được ly hôn anh T. Anh T không đồng ý ly hôn vì muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình để vợ chồng

cùng nhau nuôi dạy các con. Tòa án đã tiến hành triệu tập anh T hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện hòa giải cho anh T và chị H đoàn tụ theo như mong muốn của anh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do như vậy anh T không muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ. Đồng thời chị H cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T thì cả hai đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 2 năm 2020, chị H đã sống ly thân anh T từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Như vậy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của chị H được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh T đều đồng ý, sau khi ly hôn, anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng, kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy, con Anh và Thư vẫn đang chung sống cùng anh T cũng như điều kiện kinh tế của anh T ổn định hơn chị H nên vì lợi ích của con, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống hiện tại, cũng như trong học tập sau này nên giao cả hai con A và T2 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 1.000.000đ/ tháng, kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và vay nợ chung, vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 357; Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Đỗ Đức T.

- Về con chung: Giao con Đỗ Phương A và Đỗ Anh T2 cho anh Đỗ Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi), chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi con 1.000.000đ (một triệu đồng)/ tháng (hai con là 2.000.000đ/tháng) kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Phạm Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ đi số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002116 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt anh Đỗ Đức T có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 Điều 7, Điều 7 a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn
- CCTHADS huyện Vân Đồn;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Hạ L, huyện Vân Đồn;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Nga